

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Số: 89 /2023 /QĐST-
HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ
ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị N T B N, sinh năm 1992

Địa chỉ: khu K, thị trấn K, huyện K, tỉnh T

2. *Bị đơn*: Anh N T H, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu Cả, xã T, huyện K, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân
sự;

Căn cứ vào các Điều 43, 55, 58, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và
gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết
số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy
định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22
tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T B N và anh N T H .

2. Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên tự nguyện thoả thuận chị N T B N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là N T M C , sinh ngày 29/01/2021, anh N T H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng hằng tháng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản, Về công sức: hai bên đều xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản riêng: Hai bên thống nhất trình bày anh N T H còn nợ của chị N T B N khoản tiền mặt 221.000.000 đồng, không lãi (anh H vay chị N trước khi kết hôn).

Hai bên tự nguyện thoả thuận và đề nghị ghi nhận: Anh N T H có nghĩa vụ trả nợ cho chị N T B N khoản tiền gốc 221.000.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu đồng), không lãi xuất, cụ thể các lần trả nợ như sau:

+ Ngày 10/8/2023 anh H có nghĩa vụ trả nợ cho chị N số tiền gốc 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng);

+ Ngày 10/11/2023 anh H có nghĩa vụ trả nợ cho chị N số tiền gốc 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu đồng);

+ Ngày 10/01/2024 anh H có nghĩa vụ trả nợ cho chị N số tiền gốc 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của mỗi đợt trả nợ cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật nếu không có

thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị N T B N tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008077 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K , tỉnh T . Chị N T B N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã T ;
- Lưu HS; - Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo

